

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giồng cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã lần lượt được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 thay đổi lần 2 ngày 25/09/2006, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2006, thay đổi lần 4 ngày 02/11/2007, thay đổi lần 5 ngày 21/04/2008, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/09/2009 và thay đổi lần 7 ngày 11/11/2010.

Ngày 11/11/2010, công ty hoàn tất việc đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp mới số 0101449271. Theo đó:

- Ngành, nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Trồng trọt; Kinh doanh giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Xuất nhập khẩu trực tiếp về giống cây trồng và vật tư phục vụ sản xuất giống cây trồng; Gia công, chế biến, đóng gói, bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; Kinh doanh bất động sản.
- Vốn điều lệ của Công ty là 81.341.610.000 VND được chia thành 8.134.161 cổ phần, trong đó các cổ đông sáng lập nắm giữ 3.715.723 cổ phần. Cụ thể như sau:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) - Đại diện là Bà Trần Kim Liên	921.180
2	Ông Trần Đình Long	16.680
3	Ông Phạm Ngọc Lý	39.714
4	Ông Đỗ Tiến Sỹ	49.527
5	Ông Đỗ Bá Vọng	39.811
6	145 cổ đông còn lại	2.648.811

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Ngoài ra, Công ty còn có các đơn vị trực thuộc như sau:

- Các Chi nhánh:
 - + Chi nhánh Miền Trung
 - + Chi nhánh Thái Bình
 - + Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên
- Các Xí nghiệp:
 - + Xí nghiệp Định Tường
 - + Xí nghiệp Đồng Văn
 - + Xí nghiệp Ba Vì
- Đơn vị trực thuộc khác:
 - + Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay
 - + Trại thực nghiệm Khoái Châu
 - + Nhà máy chế biến Thường Tín

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2011, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 272 người, trong đó số nhân viên quản lý là 33 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

3. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.2. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được xử lý như sau:

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp được tính vào chi phí hoặc thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp. Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ không liên quan trực tiếp đến doanh thu, chi phí của hoạt động sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp, nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính, nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá tính vào thu nhập khác.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh khi xác định thu nhập chịu thuế.

Trường hợp chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ tính vào chi phí làm cho kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bị lỗ thì có thể phân bổ một phần chênh lệch tỷ giá cho năm sau để doanh nghiệp không bị lỗ nhưng phải đảm bảo phần chênh lệch tỷ giá tính vào chi phí trong năm ít nhất cũng phải bằng chênh lệch tỷ giá của số ngoại tệ đến hạn phải trả trong năm đó.

Các khoản chênh lệch tỷ giá nêu trên không bao gồm chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ; chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành TSCĐ mà TSCĐ này chưa đưa vào sản xuất kinh doanh (không phân biệt doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh hay đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, hàng hoá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là giá vốn nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 “Hàng tồn kho” và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với qui định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản cho mục đích tính toán này như sau:

Loại tài sản cố định:	Thời gian (năm)
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	
Máy móc, trang thiết bị	5 – 7
Thiết bị văn phòng	5 – 6
Phương tiện vận tải	6
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	
Bản quyền, bằng sáng chế	5
Phần mềm máy tính	5

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

4.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của Công ty được phản ánh trong Báo cáo tài chính theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập dựa trên giá trị bị tổn thất do các loại chứng khoán đầu tư của Công ty có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán của khoản đầu tư vào ngày kết thúc năm kế toán. Các khoản tăng, giảm số dư dự phòng này được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính và doanh thu tài chính trong năm tài chính.

4.6. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

4.7. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

4.8. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm 2011 nhưng chưa thực chi cho tới thời điểm kết thúc năm tài chính như chi phí công tác phí, chi phí tiền điện thoại, quảng cáo. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.9. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101449271 thay đổi lần 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010, và cho đến ngày kết thúc năm tài chính, các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy chứng nhận kinh doanh (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Các cổ đông	81.341.610.000	81.341.610.000	100%

4.10. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi, tiền cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

4.11. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó, chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

4.12. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ chế biến nông sản, thuế suất thuế GTGT: 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty là doanh nghiệp hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, trong năm 2011 công ty có một số mặt hàng nằm trong diện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản thu nhập khác Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 25%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13. Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

		<u>30/06/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	i	5,639,736,595	1.597.749.897
Tiền gửi ngân hàng	ii	31,183,830,391	15.439.958.966
Các khoản tương đương tiền	iii	<u>20,000,000,000</u>	<u>-</u>
Cộng		<u>56,823,566,986</u>	<u>17.037.708.863</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2011 bao gồm:

	Nguyên tệ		VND
Đô la Mỹ (USD)		#	157,315,340
+ Văn phòng Công ty	7,630	#	157,315,340
Nhân dân tệ			62,447,701
+ Văn phòng Công ty	19,650		62,447,701
Đồng Việt Nam			5,419,973,554
+ Văn phòng Công ty			1,621,769,725
+ Xí nghiệp Ba Vì			813,089,737
+ Xí nghiệp Định Tường			654,285,431
+ Xí nghiệp Đồng Văn			668,767,918
+ Trại thực nghiệm Khoái Châu			225,641,500
+ Chi nhánh Miền Trung và Tây Nguyên			34,759,539
+ Chi nhánh Miền Trung			813,441,864
+ Nhà máy chế biến Thường Tín			62,960,119
+ Chi nhánh Thái Bình			525,257,721
Cộng			5,639,736,595

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2011 bao gồm:

	Nguyên tệ		VND
Ngoại tệ			733,378,210
Đô la Mỹ (USD)			4,796,572
+ Ngân hàng cổ phần Ngoại thương	197.03	#	4,062,365
+ Ngân hàng No&PTNT Lào Cai	35.61	#	734,207
Nhân dân tệ (CNY)			728,581,638
+ Ngân hàng No&PTNT Lạng Sơn	142,290.02	#	452,197,684
+ Ngân hàng No &PTNT Lào Cai	86,967.89		276,383,954

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2011 (tiếp theo) bao gồm:

	Nguyên tệ		VND
Đồng Việt Nam			30,450,452,181
+ Kho bạc nhà nước			-
+ Ngân hàng No&PTNT Thăng Long			16,583,137,389
+ Ngân hàng No&PTNT Lạng Sơn			22,852,276
+ Ngân hàng No&PTNT Lào Cai			24,835,161

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

+ Ngân hàng Công thương Đống Đa	1,020,609,654
+ Ngân hàng ĐT & PT Chi nhánh Đông Đô	23,351,786
+ Ngân hàng No&PTNT Duy Tiên	937,724,930
+ Ngân hàng No&PTNT Yên Định	3,717,957,887
+ Ngân hàng No&PTNT Ba Vì	1,918,594,936
+ Ngân hàng No&PTNT Khoái Châu	20,542,911
+ Ngân hàng Công thương Khoái Châu	1,097,929
+ Ngân hàng No&PTNT Đông Hưng	2,327,478,695
+ Ngân hàng No&PTNT Vinh - Nghệ An	3,714,056,624
+ Ngân hàng No & PTNT chi nhánh Hòa Vang- Đà Nẵng	138,212,003
Cộng	30,450,452,181

	Nguyên tệ	VND
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 03 tháng		20,000,000,000
+ Ngân hàng Công thương Đống Đa		10,000,000,000
+ Ngân hàng Indovina Lê Trọng Tấn		10,000,000,000
Cộng		20,000,000,000

5.2. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Các khoản phải thu khác	1.745.588.990	1.693.885.985

5.3. Hàng tồn kho

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Nguyên liệu, vật liệu	11,244,055,670	9,492,951,207
Công cụ, dụng cụ	22,644,200	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	313,923,182	1,640,403,993
Thành phẩm	51,318,789,371	44,798,063,497
Hàng hoá	3,361,510,913	41,747,414,653
Cộng	66,260,923,336	97,678,833,350

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Trong năm 2011:

	<u>VND</u>
Thành phẩm	275.669.310
Cộng	<u>275.669.310</u>

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/06/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Chi phí trả trước ngắn hạn	245.997.551	847.704.739
+ Chi phí chờ phân bổ	245.997.551	847.704.739
Cộng	<u>245.997.551</u>	<u>847.704.739</u>

5.5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>30/06/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Thuế GTGT được khấu trừ	132,607,555	178,506,666
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	106,464,442	106,464,442
Cộng	<u>239,071,997</u>	<u>284,971,108</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	33,188,987,651	17,417,628,385	7,489,635,303	461,272,100	58,557,523,439
2. Tăng trong năm	517,626,178	2,545,251,999	52,183,000	15,990,000	3,131,051,177
-Mua trong năm		2,545,251,999	52,183,000	15,990,000	2,613,424,999
-Đầu tư XD CB hoàn thành	517,626,178				517,626,178
-Tăng khác					0
3. Giảm trong năm					0
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
4. Số cuối năm	33,706,613,829	19,962,880,384	7,541,818,303	477,262,100	61,688,574,616
II. Giá trị hao mòn					0
1. Số đầu năm	6,892,012,460	4,352,965,136	2,162,114,371	330,153,405	13,737,245,372
2. Tăng trong năm	964,980,775	1,218,396,828	369,863,616	40,742,740	2,593,983,959
-Khấu hao trong năm	964,980,775	1,218,396,828	369,863,616	40,742,740	2,593,983,959
-Tăng khác					
3. Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán					
-Giảm khác					
4. Số cuối kỳ	7,856,993,235	5,571,361,964	2,531,977,987	370,896,145	16,331,229,331
III. Giá trị còn lại					0
1. Tại ngày đầu năm	26,296,975,191	13,064,663,249	5,327,520,932	131,118,695	44,820,278,067
2. Tại ngày cuối năm	25,849,620,594	14,391,518,420	5,009,840,316	106,365,955	45,357,345,285

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.7. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng phát minh	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
A. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	2,395,787,000	1,500,000,000	71,000,000	0	3,966,787,000
2. Tăng trong năm					0
-Mua trong năm					0
-Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					0
-Tăng do hợp nhất kinh doanh					0
-Tăng khác					0
3. Giảm trong năm					0
-Thanh lý, nhượng bán				0	0
-Giảm khác				0	0
4. Số dư cuối kỳ	2,395,787,000	1,500,000,000	71,000,000	-	3,966,787,000
B. Giá trị hao mòn				0	0
1. Số đầu năm		896,050,000	45,124,444	0	941,174,444
2. Tăng trong năm	-	150,000,000	7,100,000	-	157,100,000
-Khấu hao trong năm		150,000,000	7,100,000		157,100,000
-Tăng khác				0	0
3. Giảm trong năm	0	0	0	0	0
-Thanh lý, nhượng bán					0
-Giảm khác					0
4. Số dư cuối kỳ	-	1,046,050,000	52,224,444	-	1,098,274,444
C. Giá trị còn lại				0	0
1. Tại ngày đầu năm		603,950,000	25,875,556	0	3,025,612,556
2. Tại ngày cuối kỳ		453,950,000	18,775,556	0	2,868,512,556

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>30/06/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Tổng số chi phí XDCB dở dang:	<u>3,642,496,891</u>	<u>3,642,496,891</u>
Trong đó, các công trình lớn:		
<i>Dự án xây dựng nhà cao tầng</i>	<i>1,094,051,964</i>	<i>1,094,051,964</i>
<i>Dự án xây dựng ở Đông Văn</i>	<i>2,390,663,927</i>	<i>2,390,663,927</i>
<i>Dự án xây dựng nhà kho Thái Bình</i>	<i>99,317,000</i>	<i>99,317,000</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>58,464,000</i>	<i>58,464,000</i>

5.9. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>30/06/2011</u>		<u>01/01/2011</u>	
	<u>Số lượng</u> (CP)	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Số lượng</u> (CP)	<u>Giá trị</u> (VND)
Công ty CP giống Nông lâm nghiệp Quảng Nam	95.520	1.817.638.000	95.520	1.817.638.000
Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây			27.729	27.729.000.000
Cộng		<u>1.817.638.000</u>		<u>29.546.638.000</u>

5.10. Đầu tư vào công ty con

	<u>30/06/2011</u>		<u>01/01/2011</u>	
	<u>Số lượng</u> (CP)	<u>Giá trị</u> (VND)	<u>Số lượng</u> (CP)	<u>Giá trị</u> (VND)
<i>Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây</i>	<i>30.608</i>	<i>30.608.000.000</i>		
Cộng		<u>30.608.000.000</u>		

Đến ngày 31/12/2010 Công ty đã hoàn tất việc mua 27.729 cổ phần (chiếm 48,74% vốn chủ sở hữu của HSC) với tổng giá trị đầu tư 27.729.000.000 đồng. Đồng thời Công ty đã mua tiếp 2.879 cổ phần và đang hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, nhằm nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần HSC của Công ty lên 53,80%.

Đến ngày 05/01/2011, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 2.879 cổ phần nêu trên với tổng giá trị đầu tư là 2.879.000.000 đồng, nâng tỷ lệ nắm giữ cổ phần HSC của Công ty lên 36.608 cổ phần tương đương 53,80%. Theo đó, Công ty là người nắm giữ cổ phần chi phối và điều hành HSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỒNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.11. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác	133.333	3.944.000.000	133.333	3.944.000.000
<i>Công ty Cổ phần Cảng Rau quả</i>	<i>133.333</i>	<i>3.944.000.000</i>	<i>133.333</i>	<i>3.944.000.000</i>
Cộng		3.944.000.000		3.944.000.000

5.12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	204.865.870	620.126.722
Cộng	204.865.870	620.126.722

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Thuế giá trị gia tăng	3,597,760	4.107.996
Thuế thu nhập doanh nghiệp	683,546,920	5.992.659.713
Thuế thu nhập cá nhân	442,615,324	480.206.206
Cộng	1,129,760,004	6.476.973.915

5.14. Chi phí phải trả

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Chi phí phải trả	320.984.100	188.147.569
Cộng	320.984.100	188.147.569

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Phải trả phải nộp khác	13.186.046.652	3.379.959.409
Cộng	13.186.046.652	3.379.959.409

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.16. Vay dài hạn

	<u>30/06/2011</u> (VND)	<u>01/01/2011</u> (VND)
Vay dài hạn	467.411.000	560.892.000
<i>Vay ngân hàng Phát triển Việt Nam</i>	(i) <u>467.411.000</u>	<u>560.892.000</u>
Cộng	<u>467.411.000</u>	<u>560.892.000</u>

- (i) Đây là khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I bao gồm 01(một) hợp đồng có hạn mức tín dụng là 3.100.000.000 VND với lãi suất 5,4%/năm và có thời hạn 8 năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÓNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

5.17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu (Quỹ ĐT phát triển và Quỹ DPTC, quỹ khác)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận	Cộng
A	1	2	3		5	6
Số dư đầu năm trước	80,141,610,000	54,774,342,850	5,803,130,873	3,529,046	28,738,577,715	169,461,190,484
- Tăng trong năm trước	1,200,000,000	23,250,000	15,671,138,234			16,894,388,234
- Lãi trong năm trước					43,213,372,125	43,213,372,125
- Tăng khác				4,635,699,069		4,635,699,069
- Giảm vốn trong năm trước						0
- Lỗ trong năm trước						0
- Giảm khác					28,738,577,715	28,738,577,715
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	81,341,610,000	54,797,592,850	21,474,269,107	4,639,228,115	43,213,372,125	205,466,072,197
- Tăng trong năm nay			13,414,145,102	28,959,657		13,443,104,759
- Lãi trong năm nay					38,822,988,491	38,822,988,491
- Tăng khác				-		0
- Giảm vốn trong năm nay						0
- Lỗ trong năm nay						0
- Giảm khác			6,500,000	4,639,228,115	43,213,372,125	47,859,100,240
Số dư cuối năm	81,341,610,000	54,797,592,850	34,881,914,209	28,959,657	38,822,988,491	209,873,065,207

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	9.211.800.000	9.211.800.000
Vốn góp của đối tượng khác	72.129.810.000	72.129.810.000
Cộng	81.341.610.000	81.341.610.000

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 Cổ phiếu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	2011 (VND)	2010 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.341.610.000	81.341.610.000
Vốn góp đầu năm		80.141.610.000
Vốn góp tăng trong năm		1.200.000.000
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	81.341.610.000	81.341.610.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(16.265.010.000)	(8.014.161.000)

Cổ tức

	2011	2010
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	25%	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	25%	30%
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

Cổ phiếu

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.134.161	8.134.161
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.134.161	8.134.161
Cổ phiếu phổ thông	8.134.161	8.134.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.134.161	8.134.161
Cổ phiếu phổ thông	8.134.161	8.134.161
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2011 (VND)	01/01/2011 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	28.989.455.885	17.636.370.157
Quỹ dự phòng tài chính	5.892.458.324	3.837.898.950
Cộng	<u>34.881.914.209</u>	<u>21.474.269.107</u>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>273,732,982,830</u>	<u>193,414,781,962</u>
Doanh thu bán hàng	273,654,982,830	193,414,781,962
Doanh thu cung cấp dịch vụ	78,000,000	

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	<u>11,301,871,550</u>	<u>8,764,759,942</u>
Giảm giá hàng bán	177,618,100	757,967,292
Hàng bán bị trả lại	11,124,253,450	8,006,792,650

6.3. Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>262,431,111,280</u>	<u>184,650,022,020</u>
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm hàng hoá	262,353,111,280	184,650,022,020
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	78,000,000	-

6.4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	175,716,777,092	121,408,472,463
Hoàn nhập DP giảm giá hàng tồn kho	<u>(275,669,310)</u>	<u>(423,201,277)</u>
Cộng	<u>175,441,107,782</u>	<u>120,985,271,186</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

6.5. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,563,161,004	1,136,538,111
Cổ tức, lợi nhuận được chia	459,706,000	336,706,450
Lãi chênh lệch tỷ giá	292,645,685	
Cộng	<u>2,315,512,689</u>	<u>1,473,244,561</u>

6.6. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>
Lãi tiền vay	13,952,202	17,058,254
Lỗ chênh lệch tỷ giá	130,332,010	434,310,092
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	639,998,400	530,000,000
Chi phí hoạt động tài chính khác		82,301,250
Cộng	<u>784,282,612</u>	<u>1,063,669,596</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 (VND)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	683.546.921	8.415.797.659
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNHH của năm nay		
Cộng	<u>683.546.921</u>	<u>8.415.797.659</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG TRUNG ƯƠNG

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2011

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra từ ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

7.2. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH BDO Việt Nam tại Hà Nội và đã được trình bày lại cho phù hợp với các hướng dẫn tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 18 tháng 07 năm 2011

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHAN THẾ TÝ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN KIM LIÊN